

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/DS - PT

Ngày: 04-01-2021

V/v “Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ
trả tiền”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Mai Vương Thảo

Các Thẩm phán: Ông Trương Chí Trung

Ông Trần Hoài Sơn

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thị Hữu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên toà: Bà Võ Hồng Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 55/2020/TLPT- DS ngày 05/11/2020 về việc “*Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ trả tiền*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2020/DS-ST ngày 25/9/2019 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2020/QĐXXPT- DS ngày 17 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Thân Đức G**, sinh năm: 1958; Địa chỉ: Số x/78 Lê Hữu T, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Hồng V**, sinh năm 1960; Địa chỉ: Số y Lý Nhân T, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, Đà Nẵng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị Hồng V: Luật sư Phạm Thị Minh Vân - Văn phòng Luật sư Nguyễn Tấn thuộc đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn - ông Thân Đức G trình bày:*

Ông và bà Nguyễn Thị Hồng V vốn là đồng nghiệp, có quan hệ quen biết lâu năm. Mặc dù bà V không hoạt động và kinh doanh dịch vụ giới thiệu việc làm nhưng do biết bà V có nhiều mối quan hệ có thể giới thiệu xin việc nên trong thời gian từ năm 2014 đến 2015 ông G đã nhờ bà V xin việc giúp cho một số người quen của ông, các bên thỏa thuận bằng miệng khi xin được việc ông G sẽ đưa cho bà V một khoản tiền phí. Sau khi ông G gửi hồ sơ xin việc, do bà V yêu cầu nên ông đã nhiều lần đưa tiền trực tiếp hoặc chuyển qua tài khoản ngân hàng cho bà V, cụ thể gồm các khoản:

- (1) Số tiền 40.000.000đ không ghi ngày tháng nhận
- (2) Số tiền 300.000.000đ vào ngày 10/2/2014
- (3) Số tiền 120.000.000đ vào ngày 1/4/2014
- (4) Số tiền 360.000.000đ vào ngày 4/4/2014
- (5) Số tiền 270.000.000đ vào ngày 7/4/2014
- (6) Số tiền 100.000.000đ vào ngày 24/4/2014
- (7) Số tiền 100.000.000đ vào ngày 25/01/2015
- (8) Số tiền 150.000.000đ vào ngày 26/12/2015
- (9) Số tiền 200.000.000đ ông G chuyển cho bà V qua Techcombank ngày 12/5/2014:

Sau khi đưa tiền, do bà V không xin được việc nên ông G đã nhiều lần yêu cầu bà V chuyển trả cho ông các khoản tiền đã nhận nhưng bà V chỉ hứa hẹn mà không chịu trả. Do vậy, ngày 24/12/2020 ông G đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà V trả lại cho ông số tiền đã nhận theo các giấy xác nhận tiền là 1.640.000.000đ và tiền lãi do chậm thanh toán là 246.600.000đ.

Tại phiên tòa, ông G cho rằng trong số tiền ông khởi kiện thì khoảng tháng 5 năm 2018, bà V đã trả khoản tiền 40.000.000đ không ghi ngày tháng nhận, trả bớt 160.000.000đ trong số tiền 360.000.000đ nhận vào ngày 4/4/2014 nên rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc 200.000.000đ và tiền lãi là 57.375.000đ. Ông G yêu cầu Tòa án buộc bà V trả cho ông số tiền tổng cộng 1.629.225.000đ; trong đó, tiền bà V đã nhận 1.440.000.000đ, tiền lãi tính từ tháng 4/2018 đến ngày xét xử (25/9/2020) đối với các khoản tiền hẹn trả ngày 27 và ngày 28/3/2018 nhưng không trả là 189.225.000đ.

** Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là bà Nguyễn Thị Hồng V vắng mặt và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

Tại phiên tòa, bị đơn - bà Nguyễn Thị Hồng V trình bày:

Bà thừa nhận nhiều lần nhận tiền của ông G để xin việc giúp, trong số đó có 09 khoản tiền như ông G đã trình bày nhưng bà chỉ là người giới thiệu nên số tiền nhận từ ông G bà chuyển toàn bộ cho người khác. Việc không xin được việc ngoài ý muốn của bà, đến nay bà cũng chưa đòi được những khoản tiền này.

Đối với số tiền gốc 1.440.000.000đ mà ông G yêu cầu thanh toán, bà V cho rằng bà đã nhiều lần trả lại tiền cho ông G nhưng không nhớ được trả lại tiền của hồ sơ xin việc nào, số tiền cụ thể bao nhiêu. Do vậy bà không đồng ý với yêu cầu trên đây của ông G và đề nghị dùng phiên tòa xét xử, chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra để đối chất làm rõ số tiền bà và ông G giao nhận với nhau. Về bản chính các giấy nhận tiền ông G viết cho bà, hiện bà chỉ giữ bản photo như giao nộp tại phiên tòa, không có bản chính để cung cấp.

Đối với số tiền lãi 189.225.000đ ông G yêu cầu, bà không đồng ý trả vì các bên không có quan hệ vay mượn tiền.

Với nội dung trên, án sơ thẩm đã xử và quyết định:

Căn cứ vào các điều của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 256, 290 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), tiền lãi 57.375.000đ (Năm mươi bảy triệu, ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) của ông Thân Đức G.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng V trả cho ông Thân Đức G số tiền 1.629.225.000đ (Một tỷ, sáu trăm hai mươi chín triệu, hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng); trong đó tiền gốc 1.440.000.000đ (Một tỷ, bốn trăm bốn mươi triệu đồng), tiền lãi là 189.225.000đ (Một trăm tám mươi chín triệu, hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong thời hạn luật định, ngày 09 tháng 10 năm 2020, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng V kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm với lý do: Đề nghị Tòa án

cấp phúc thẩm làm rõ tiền đã nhận và đã trả; tiền này không phải quan hệ vay mượn mà tiền ông G đem qua xin việc làm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, ngày 28/12/2020 ông G, bà V thỏa thuận được với nhau về việc quyết vụ án; tại phiên tòa hôm nay, các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến đã thỏa thuận.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 300 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án dân sự sơ thẩm 40/2020/DS-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, áp dụng Điều 300 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2020/DS-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

+ Lần 1: Vào ngày 20/01/2021 bà Nguyễn Thị Hồng V trả cho ông Thân Đức G số tiền 440.000.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi triệu đồng);

+ Lần 2: Vào ngày 03/3/2021 bà Nguyễn Thị Hồng V trả cho ông Thân Đức G số tiền còn lại là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng).

Nếu đến ngày 20/01/2021 bà V không trả cho ông G số tiền 440.000.000 đồng thì bà V phải trả cho ông G một lần toàn bộ số tiền 1.440.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm bốn mươi triệu đồng)

[2] Về án phí:

Tại cấp phúc thẩm bà Nguyễn Thị Hồng V có đơn xin miễn án phí với lý do hoàn cảnh khó khăn và là người cao tuổi có chính quyền địa phương xác nhận. Căn cứ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị Hồng V.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 290 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2020/DS-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, công nhận sự thỏa thuận của ông G và bà V như sau:

+ Lần 1: Vào ngày 20/01/2021 bà Nguyễn Thị Hồng V trả cho ông Thân Đức G số tiền 440.000.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi triệu đồng);

+ Lần 2: Vào ngày 03/3/2021 bà Nguyễn Thị Hồng V trả cho ông Thân Đức G số tiền còn lại là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng).

Nếu đến ngày 20/01/2021 bà V không trả cho ông G số tiền 440.000.000 đồng thì bà V phải trả cho ông G một lần toàn bộ số tiền 1.440.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm bốn mươi triệu đồng)

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền nói trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí:

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị Hồng V. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Hồng V tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ đã nộp theo Biên lai thu số 0002291 ngày 14/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Tòa án nhân dân Q. Thanh Khê;
- VKSND Q. Thanh Khê;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Vương Thảo